

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: Mua bổ sung vật tư, hóa chất tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Nguyễn Xuân Tiến
 - Số điện thoại liên hệ: 0974.366.960
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá gửi về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Thanh Hóa, Ngõ 958 đường Quang Trung, Phường Đông vệ, TP. Thanh Hoá
 - Ghi rõ nội dung: Mua sắm bổ sung vật tư, hóa chất tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2025.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: 11/04/2025 đến trước 15h00 ngày 22/04/2025.
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục hàng hoá, dịch vụ: (Phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá, dịch vụ: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: căn cứ theo hợp đồng ký kết.
- Yêu cầu khác: Giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG MUA SẮM

CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hưng

PHỤ LỤC:
 (Kèm theo yêu cầu báo giá số **464**/BVUB-HĐMS ngày **10** tháng **4** năm 2025 của HĐMS Bệnh viện Ung Bướu)
Danh mục mua bổ sung vật tư, hóa chất tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2025

STT mặt hàng	Tên hàng hóa mời thầu	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi Chú
1	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem 10 μ g	PYR Disk w / Reagent được sử dụng để xác định giả định các loại enterococci, Lancefield group A streptococci và E. coli dựa trên sản xuất PYRase	khoanh	500	
2	Khoanh giấy kháng sinh Cefixime nồng độ 5 μ g	Khoanh giấy Cefixime nồng độ 5 μ g Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	
3	Khoanh giấy kháng sinh Cefoxitin nồng độ 30 μ g	Khoanh giấy Cefoxitin nồng độ 30 μ g Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	
4	Khoanh giấy kháng sinh Cefpodoxime nồng độ 10 μ g	Khoanh giấy Cefpodoxime nồng độ 10 μ g Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	



5	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime nồng độ 30µg	Khoanh giấy Cefotaxime nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	
6	Khoanh giấy kháng sinh Moxifloxacin nồng độ 5µg	Khoanh giấy Moxifloxacin nồng độ 5µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	
7	Khoanh giấy kháng sinh Cefaroline nồng độ 30µg	Khoanh giấy Cefaroline nồng độ 30µg Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	khoanh	500	
8	PYR test kit	PYR Disk w / Reagent được sử dụng để xác định giả định các loại enterococci, Lancefield group A streptococci và E. coli dựa trên sản xuất PYRase	Khoanh	100	
9	Rapid anti- N.Pylori Test	Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng H pylorri - Độ nhạy tương quan: 94.88%, độ đặc hiệu tương: 95.38%, Độ chính xác: 95,21% - Thành phần Kit thử : Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng IgG người (0,16 µg) - Vạch kết quả: Kháng nguyên H.pylori (0,2 µg) - Vạch chứng : Kháng thể đề kháng lgG chuột (0.88 µg)	Test	2.000	

10	ETEST Vancomycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ 0.016-256µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	Thanh	60	
11	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem 10µg	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem 10µg được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	500	
12	Môi trường thạch Schapman	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường chọn lọc sử dụng để phân lập Staphylococci từ mẫu bệnh phẩm, sữa, thịt và thực phẩm. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Lab-Lemco' powder, Peptone, Mannitol, Sodium chloride, Phenol red, agar, pH 7.5 ± 0.2 ở 25°C;	Thanh	50	
13	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin 10µg	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin 10µg được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	500	
14	Khoanh giấy kháng sinh Penicillin G	- Khoanh giấy kháng sinh được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy đựng trong cartridge được hàn kín cùng với chất chống ẩm giúp duy trì độ ẩm dưới 2%. - Sự thay đổi theo lô, độ ẩm và nồng độ được thử nghiệm bằng cách sử dụng thông số kỹ thuật về nồng độ kháng sinh từ 90% đến 125% so với nồng độ tiêu chuẩn - Khoanh giấy kháng sinh Penicillin G nồng độ tiêu chuẩn 10U	Khoanh	500	

15	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn có thể sử dụng được trong bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. Thành phần chính: Propylene Glycol, EDTA 2 NA, Carbopol 940, Glycerine, Unigerm G-2, Sodium Carboxymethylcellulose, Sodium Hydroxide BP, Distilled water qs	Tuýp	1.200	
16	Cồn tuyệt đối, dùng cho sinh học phân tử	Ethanol - Độ tinh khiết: 99,9% - Công thức hóa học: C₂H₅OH - Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol	ml	11.250	
17	Dầu Parafin	Màu trắng, được sản xuất từ dầu gốc tinh lọc cao bao gồm Parafin bão hòa và Hydrocarbon cycloparaffinic.	ml	4.000	
18	Vôi soda	- Vôi soda dùng cho máy mê - Vôi soda có thiết kế hình bán nguyệt, ít bụi - Vôi soda có chất chỉ thị màu báo hiệu thời gian thay	Kg	250	
19	Chỉ thị sinh học dùng cho tiệt trùng Plasma	- Giám sát lô tiệt khuẩn cho chu trình tiệt trùng plasma hoặc hơi Hydrogen Peroxide (VH₂O₂). - Kết quả dương tính (tiệt trùng thất bại) nếu môi trường chuyển sang màu vàng sau khi ủ 24 giờ ở 55 - 62 °C	Cái	300	
20	Chỉ thị sinh học cho máy hấp ướt 1 giờ	- Giám sát lô tiệt khuẩn cho chu trình tiệt trùng hơi nước) ở nhiệt độ 121 - 134 °C. - Cung cấp kết quả sau khi ủ 1 giờ ở 60°C (độ nhạy ≥ 97%)	Cái	200	
21	Chỉ thị hóa học dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp plasma	Chỉ thị hóa học nhóm 4 cho tiệt trùng plasma hoặc hơi hydrogen peroxide (VH₂O₂) - Tương thích với máy đọc chỉ thị hóa học Tuttnauer - Thông số kiểm soát: 2.3 mg/L H₂O₂ ở 50°C trong 6 phút - 100% không chứa kim loại nặng	Cái	750	

22	Chỉ thị hóa học dùng cho tiệt trùng nhiệt độ cao, hấp hơi nước chân không	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước Kích thước: 5,1 cm x 1,9cm.	Cuộn	36	
23	Giấy in nhiệt K57	- Khổ giấy in 57 mm x 45mm - Giấy in cảm nhiệt trực tiếp không cần dùng mực in	Cuộn	16	
24	Dầu bơm chân không (dầu trắng LVO-100	Độ nhớt (Viscosity) tại 40°C: 95 mm ² /s Điểm bốc cháy (Flash point): > 255°C Điểm đông đặc (Pour Point): -9°C Mật độ (Density) ở 15 °C: 880 kg/m ³	Lít	25	
25	Hóa chất rửa dùng cho máy rửa dụng cụ	Chất tẩy rửa có tính kiềm nhẹ sử dụng cho máy tự động xử lý các loại dụng cụ phẫu thuật và thiết bị bằng thép không gỉ, thiết bị gây mê, hộp đựng, máy nội soi linh hoạt và cứng nhắc, dụng cụ MIS, dụng cụ thủy tinh trong phòng thí nghiệm và giày phẫu thuật . Có thể được sử dụng mà không cần hoặc có chất trung hòa (Helimatic® Neutralizer C) Chất tẩy rửa có tính kiềm đậm đặc, không tạo bọt được dùng cho máy rửa	Lít	5	
26	Hóa chất làm bóng dụng cụ	- Loại bỏ chất bẩn trên các dụng cụ y tế, dụng cụ gây mê, dụng cụ thép không gỉ, đồ nhựa và đồ thủy tinh...- Khả năng rửa trôi tốt, không để lại cặn trên dụng cụ- Có chất ổn định đảm bảo hiệu quả tẩy rửa khi dùng nước cứng, ít tạo bọt, không gây cặn trong máy.- Hiệu quả khử nhiễm Prion hóa chất tẩy rửa có tính kiềm đậm đặc, không tạo bọt được dùng cho máy rửa	Lít	5	